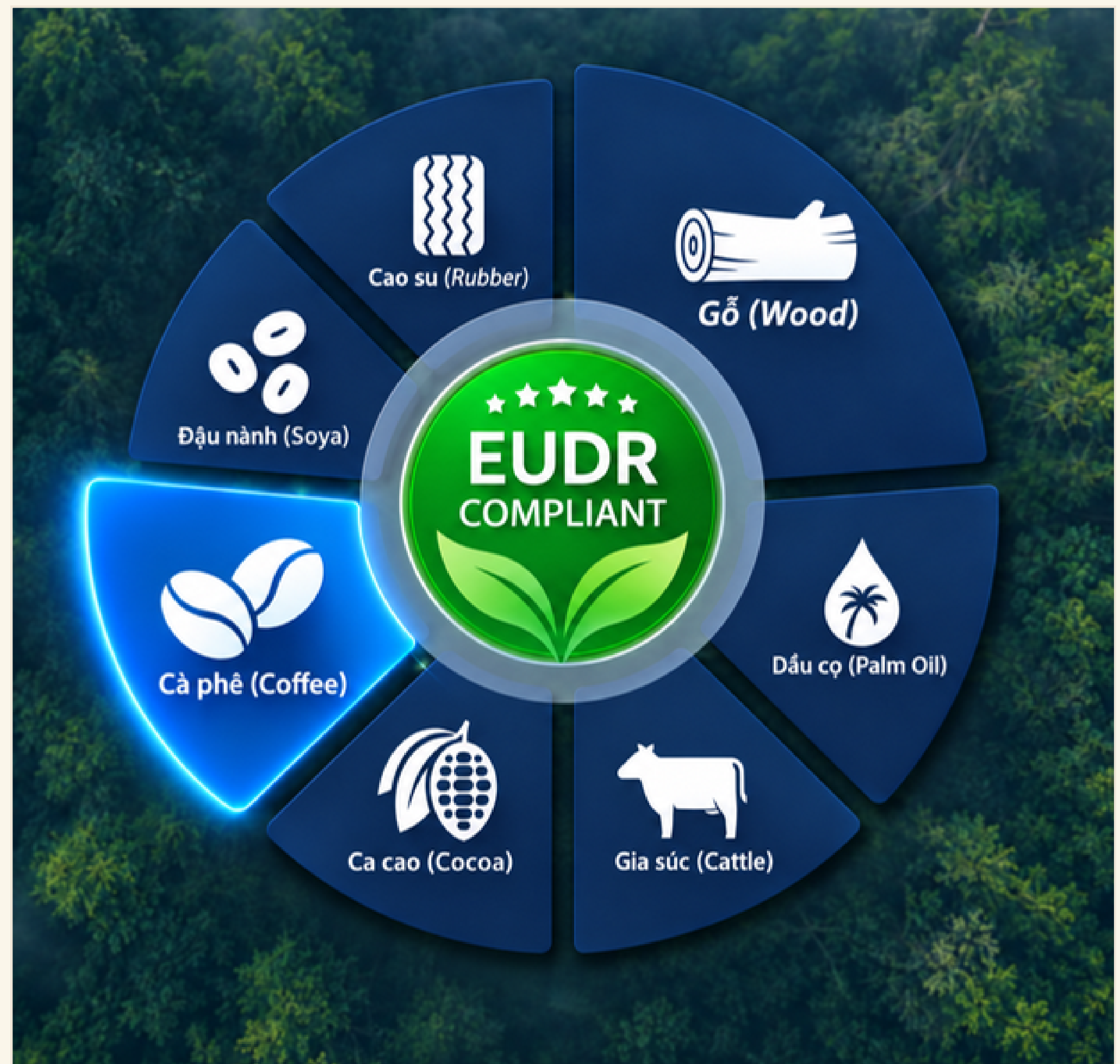




NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

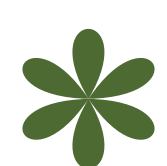
MỤC LỤC

- 1 Điểm tin nổi bật trong tuần
- 2 Giá cà phê Thế giới
- 3 Thị trường cà phê Thế giới
- 4 Sản xuất cà phê Thế giới
- 5 Giá cà phê trong nước
- 6 Xuất khẩu cà phê Việt Nam
- 7 Thị trường cà phê Việt Nam
- 8 Phụ lục



ĐIỂM TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

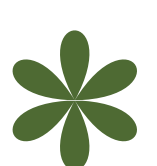
Ngày 14/09/2026 – 21/09/2026



Tồn kho cà phê tại các kho cảng của ECF cuối tháng 6/2026 đạt 7,37 triệu bao, tăng 3,06% so với tháng trước nhưng vẫn giảm 6,94% so với cùng kỳ năm 2025.



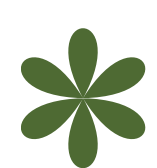
Xuất khẩu cà phê Brazil trong tháng 8 đạt kỷ lục 4,2 triệu bao, tăng 31,0% so với cùng kỳ năm 2025; kim ngạch đạt 1,3 tỷ USD, tăng 19,8%.



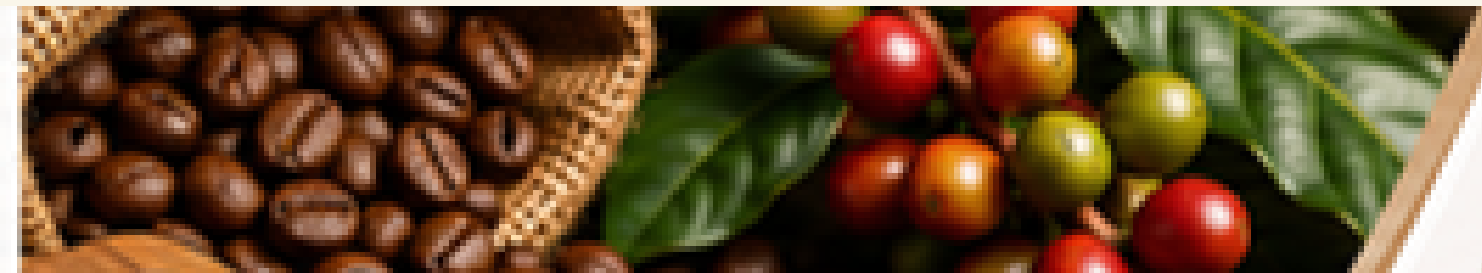
Cà phê hòa tan được bổ sung vào phạm vi EUDR theo mã HS 2101 11 00, nhằm đồng bộ với cà phê nhân và cà phê rang đã thuộc diện điều chỉnh trước đó.



Theo Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê Việt Nam từ đầu năm đến ngày 15/09/2026 tăng 16,1% về lượng nhưng giảm 6,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025 do giá xuất khẩu giảm.



EUDR mở cơ hội chuẩn hóa và nâng giá trị cà phê Việt Nam thông qua việc thúc đẩy số hóa, truy xuất nguồn gốc và chuẩn hóa toàn bộ chuỗi từ nông hộ đến chế biến, xuất khẩu.



21/09/2026



Số 36/2026

BÁO CÁO TUẦN



GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

SÀN LONDON

Robusta

Kỳ hạn T09/2026

▲ 1%

so với tuần trước

Cao nhất trong tuần 3.505

Giá bình quân tuần



3.443

USD/Tấn

▼ 25,6%

so với năm trước

Thấp nhất trong tuần 3.361

SÀN NEW YORK

Arabica

Kỳ hạn T09/2026

▼ 6,8%

so với tuần trước

Cao nhất trong tuần 6.915

Giá bình quân tuần



6.583

USD/Tấn

▼ 24,5%

so với năm trước

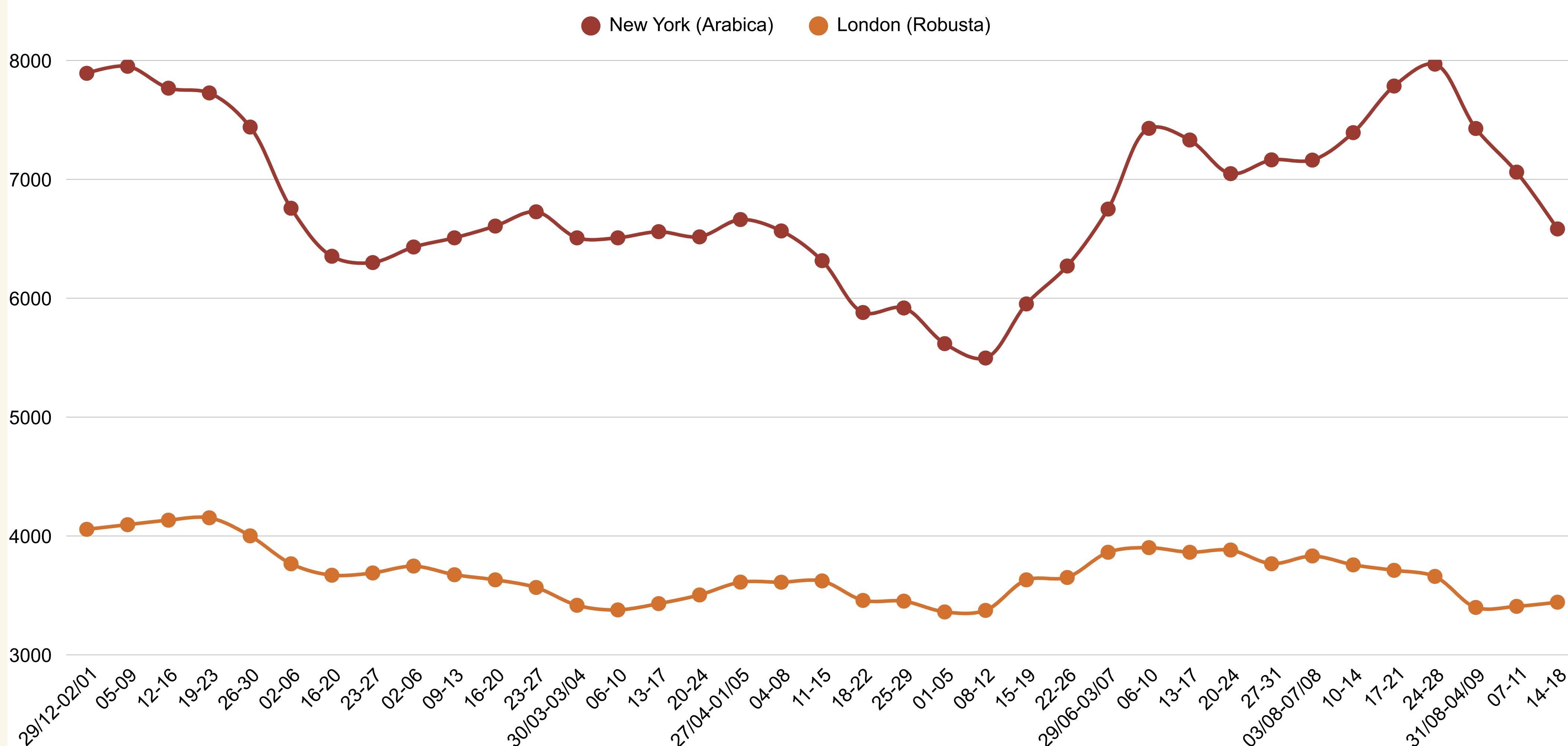
Thấp nhất trong tuần 6.096

(Nguồn: investing.com)



DIỄN BIẾN GIÁ TẠI SÀN LONDON VÀ NEW YORK

USD/tấn



(Nguồn: investing.com)



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIÁ

- Giá cà phê Arabica tiếp tục giảm do xuất khẩu từ Braxin tăng mạnh, giúp thị trường bớt lo ngại về nguy cơ thiếu nguồn cung trong ngắn hạn. Diễn biến thị trường cuối năm 2026 tiếp tục phụ thuộc lớn vào nguồn cung xuất khẩu từ Braxin, đặc biệt trong bối cảnh sản lượng cà phê xuất khẩu của quốc gia này đã tăng liên tục trong thời gian gần đây.

(Nguồn: Doanh nghiệp & Kinh doanh)

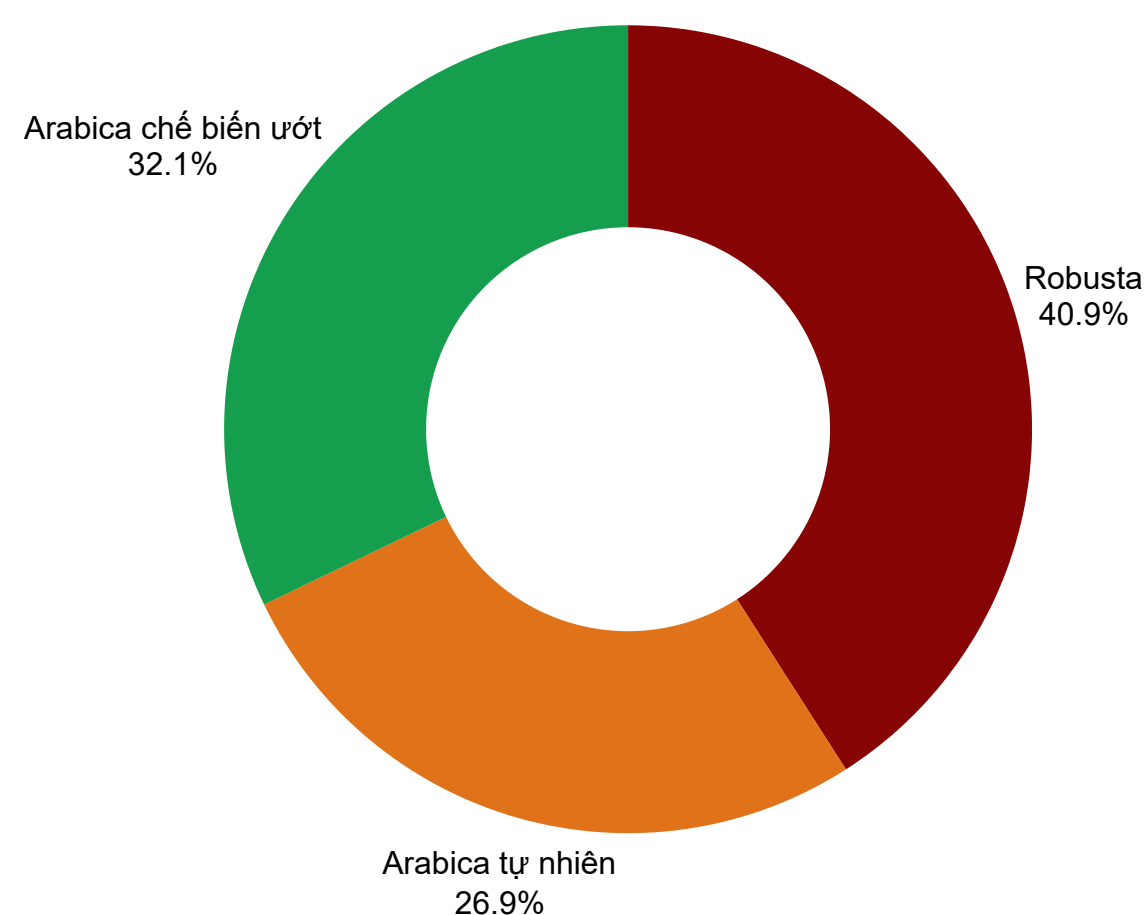


THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI



TỒN KHO CÀ PHÊ CHÂU ÂU

Cơ cấu tồn kho cà phê tháng 6/2026



Tổng tồn kho



7,37

Triệu bao (loại 60kg)

Tăng 3,06% so với tháng trước.

- Tồn kho cà phê tại các kho cảng của ECF cuối tháng 6/2026 đạt 7,37 triệu bao, tăng 3,06% so với tháng trước nhưng vẫn giảm 6,94% so với cùng kỳ năm 2025.
- Mức tồn kho hiện tại chỉ tương đương gần 7 tuần rang xay, khoảng một nửa mức thường được coi là an toàn tại châu Âu.

(Nguồn: I & M smith).



BRAXIN

Xuất khẩu cà phê Braxin trong tháng 8 đạt kỷ lục gần 4,2 triệu bao.



- Xuất khẩu cà phê Brazil trong tháng 8 đạt kỷ lục 4,2 triệu bao, tăng 31,0% so với cùng kỳ năm 2025; kim ngạch đạt 1,3 tỷ USD, tăng 19,8%.
- Arabica đạt 2,9 triệu bao, tăng 25,7%; Robusta/Conilon đạt 953,6 nghìn bao, tăng 53,6%. Cà phê hòa tan đạt 332,2 nghìn bao, tăng 24,3%.
- Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất, chiếm 12,6% tổng lượng xuất khẩu; Đức đứng thứ hai với 11,3%.

(Nguồn: Raphael Salomão, Globo Rural — São Paulo)



UGANDA

Tháng 7/2026, xuất khẩu cà phê đạt 204,1 triệu USD.



- Tháng 7/2026, xuất khẩu đạt 846,4 nghìn bao, trị giá 204,1 triệu USD, giảm lần lượt 14,9% về lượng và 18,4% về giá trị so với cùng kỳ; giá xuất khẩu bình quân đạt khoảng 4,0 USD/kg.
- Robusta tiếp tục chiếm ưu thế với khoảng 92,0% lượng xuất khẩu,
- Châu Âu là thị trường lớn nhất, chiếm 62,0% lượng xuất khẩu tháng 7; Italy dẫn đầu với 29,3%, tiếp đến là Sudan 15,1% và Đức 10,7%.

(Nguồn: Santocafeh)



SẢN XUẤT CÀ PHÊ THẾ GIỚI



CHÂU ÂU CẬP NHẬT PHẠM VI SẢN PHẨM THUỘC EUDR

- EU ban hành Regulation (EU) 2026/2102 sửa đổi Phụ lục I của EUDR, nhưng vẫn giữ nguyên 7 nhóm hàng hóa cơ bản gồm gia súc, ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu tương và gỗ.
- Cà phê hòa tan được bổ sung vào phạm vi EUDR theo mã HS 2101 11 00, nhằm đồng bộ với cà phê nhân và cà phê rang đã thuộc diện điều chỉnh trước đó.
- Một số sản phẩm mới bổ sung, gồm cà phê hòa tan, một số dẫn xuất dầu cọ và lưỡi bò đông lạnh, sẽ áp dụng EUDR từ ngày 30/12/2027 để doanh nghiệp có thêm thời gian chuẩn bị.



(Nguồn: Liên minh Châu Âu)



CÔLÔMBIA

Sản lượng cà phê niên vụ 2026/2027 ước đạt 13 triệu bao.



- Sản lượng cà phê Côlômbia được dự báo đạt khoảng 13 triệu bao Arabica chế biến ướt trong niên vụ 2026/27; tiêu thụ nội địa duy trì khoảng 2,2 triệu bao.
- Ngoài sản xuất, nguồn cung cà phê trong nước của quốc gia này được bổ sung từ hai nguồn nhập khẩu chính là Brazil và Peru.

(Nguồn: I&M Smith)



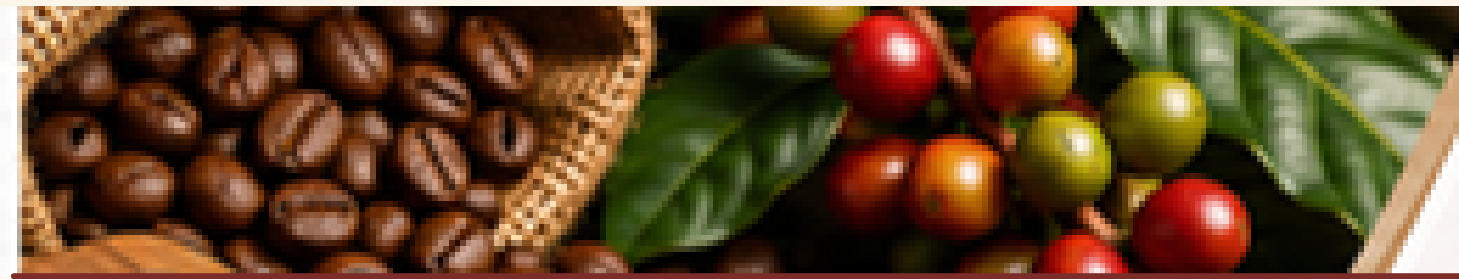
BRAXIN

HTX cà phê Cooxupé gần hoàn tất thu hoạch vụ cà phê mới.



- Đến ngày 11/9/2026, các thành viên Cooxupé đã thu hoạch 97,3% vụ cà phê Arabica mới, thấp hơn mức 98,9% cùng kỳ năm trước. Sản lượng cà phê của HTX này hiện nay đạt 6,3 triệu bao, trên tổng sản lượng dự kiến khoảng 6,5 triệu bao trong niên vụ hiện tại.
- El Niño có thể xảy ra trong quý IV/2026, gây ảnh hưởng đến quá trình ra hoa và triển vọng vụ cà phê 2027/28.

(Nguồn: I&M Smith)



21/09/2026



Số 36/2026

BÁO CÁO TUẦN

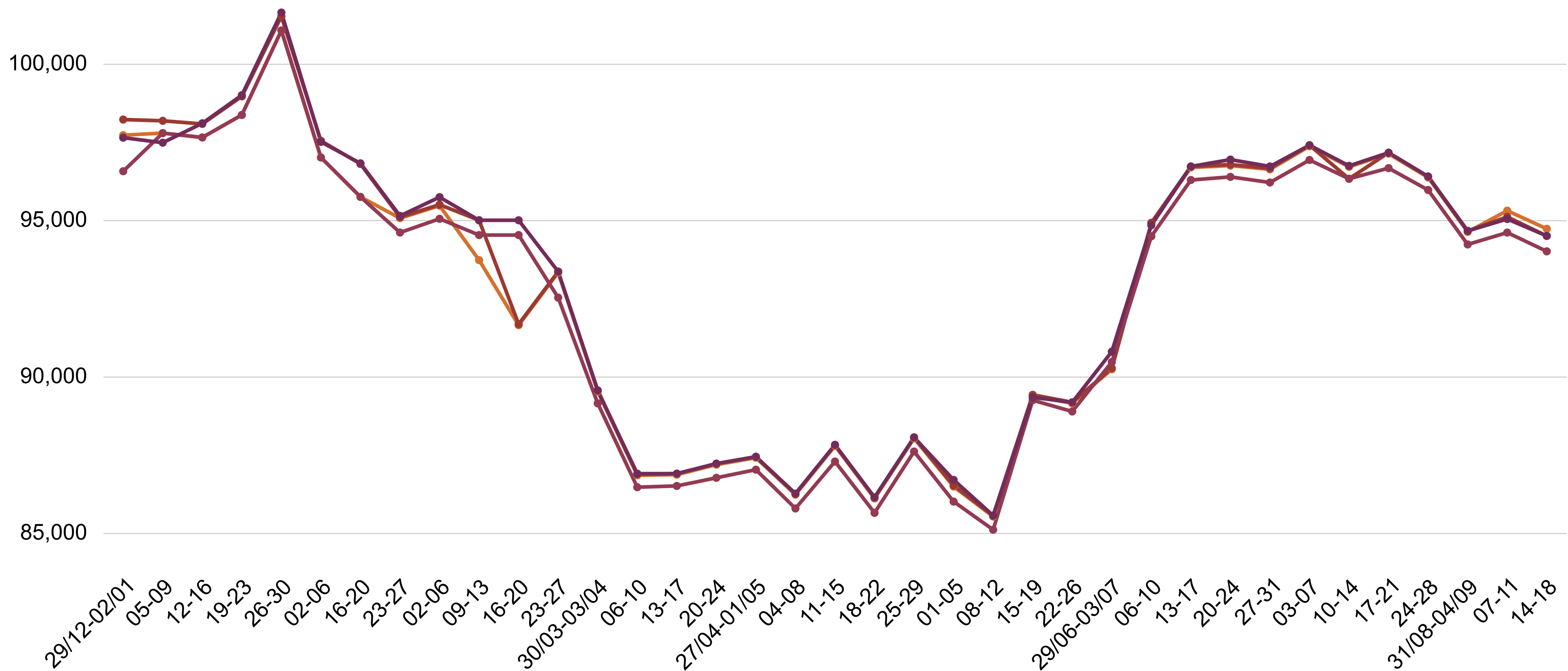


GIÁ CÀ PHÊ VIỆT NAM

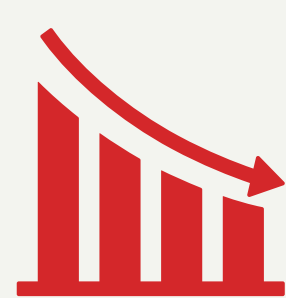
GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ TẠI MỘT SỐ TỈNH Ở VIỆT NAM

ĐVT · VNĐ/kg

Quảng Ngãi Gia Lai Lâm Đồng Đắk Lắk



Lâm Đồng



Giá bình quân tuần

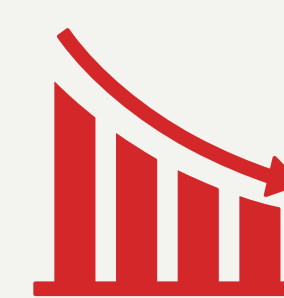
94.020

VNĐ/kg

▼ **0,63%** so với tuần trước

Cao nhất trong tuần **94.900** Thấp nhất trong tuần **93.000**

Đắk Lắk



Giá bình quân tuần

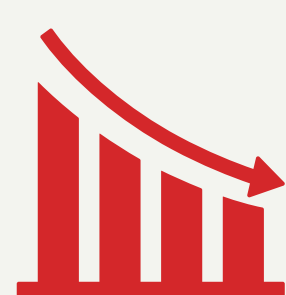
94.513

VNĐ/kg

▼ **0,57%** so với tuần trước

Cao nhất trong tuần **95.333** Thấp nhất trong tuần **93.533**

Gia Lai



Giá bình quân tuần

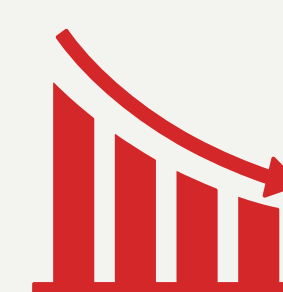
94.513

VNĐ/kg

▼ **0,64%** so với tuần trước

Cao nhất trong tuần **95.333** Thấp nhất trong tuần **93.533**

Quảng Ngãi



Giá bình quân tuần

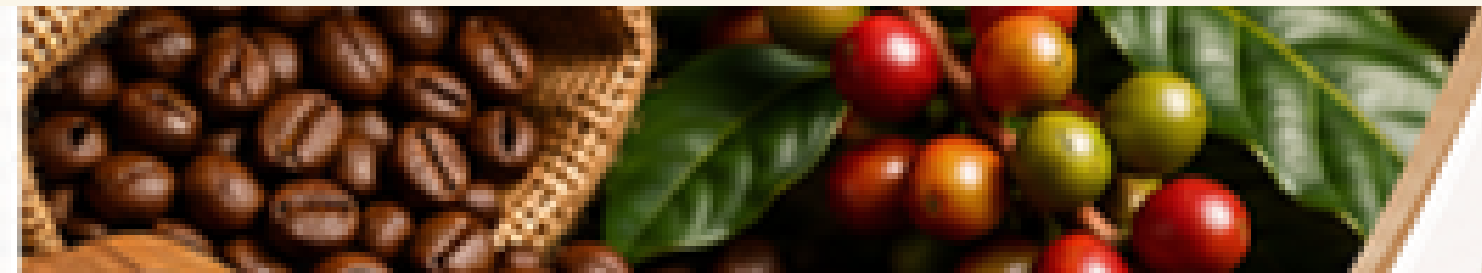
94.740

VNĐ/kg

▼ **0,61%** so với tuần trước

Cao nhất trong tuần **95.500** Thấp nhất trong tuần **93.800**

(Nguồn: CTV và Agreinfos tổng hợp)



XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM

LƯỢNG XUẤT KHẨU KỲ 1 THÁNG 9

**52,72**

Nghìn tấn

**40,8%**

so với cùng kỳ năm 2025

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU KỲ 1 THÁNG 9

**235,7**

Triệu USD

**10,8%**

so với cùng kỳ năm 2025

LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 15/9/2026

Giá trị

6,27

Tỷ USD

Khối lượng

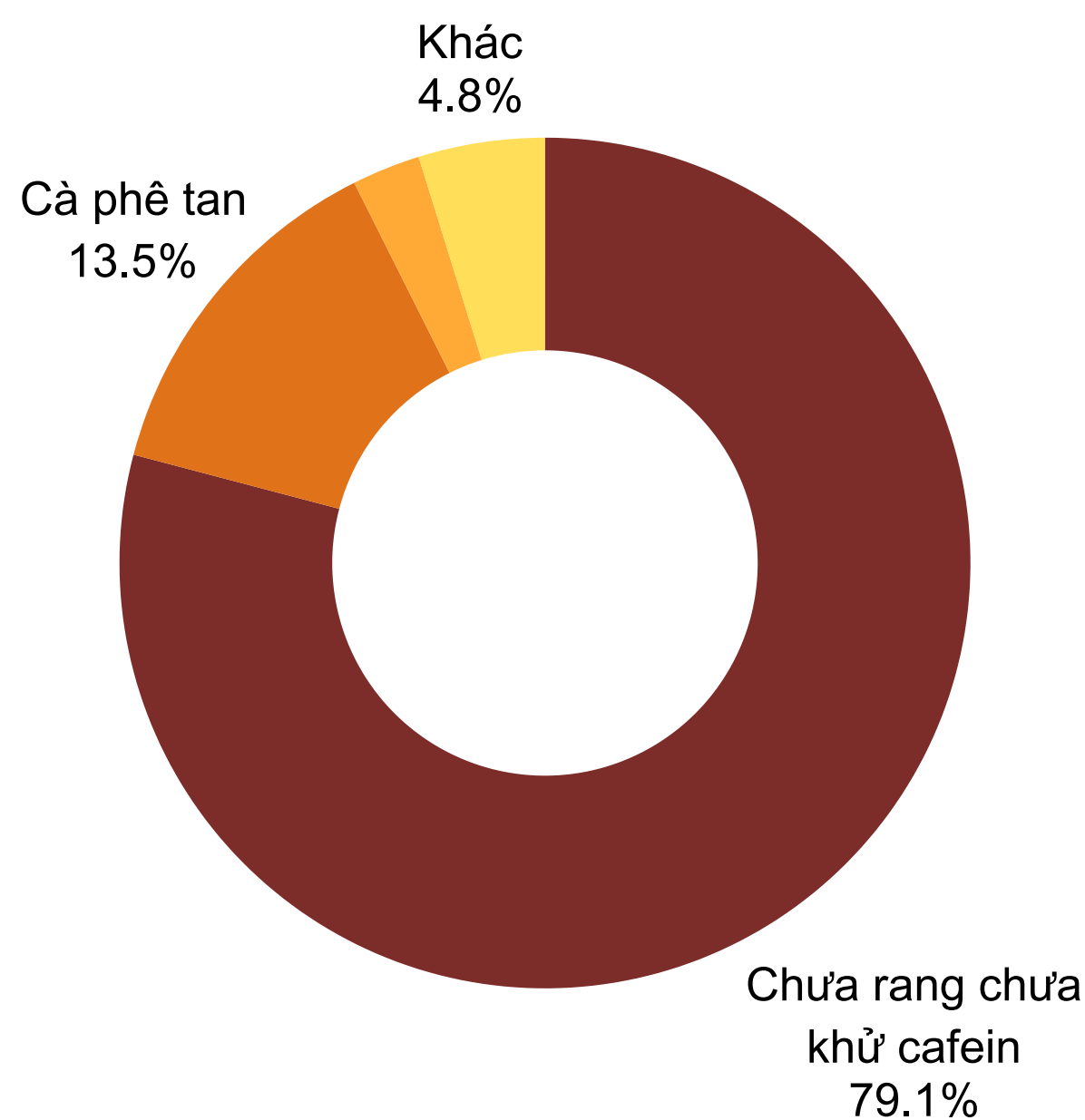
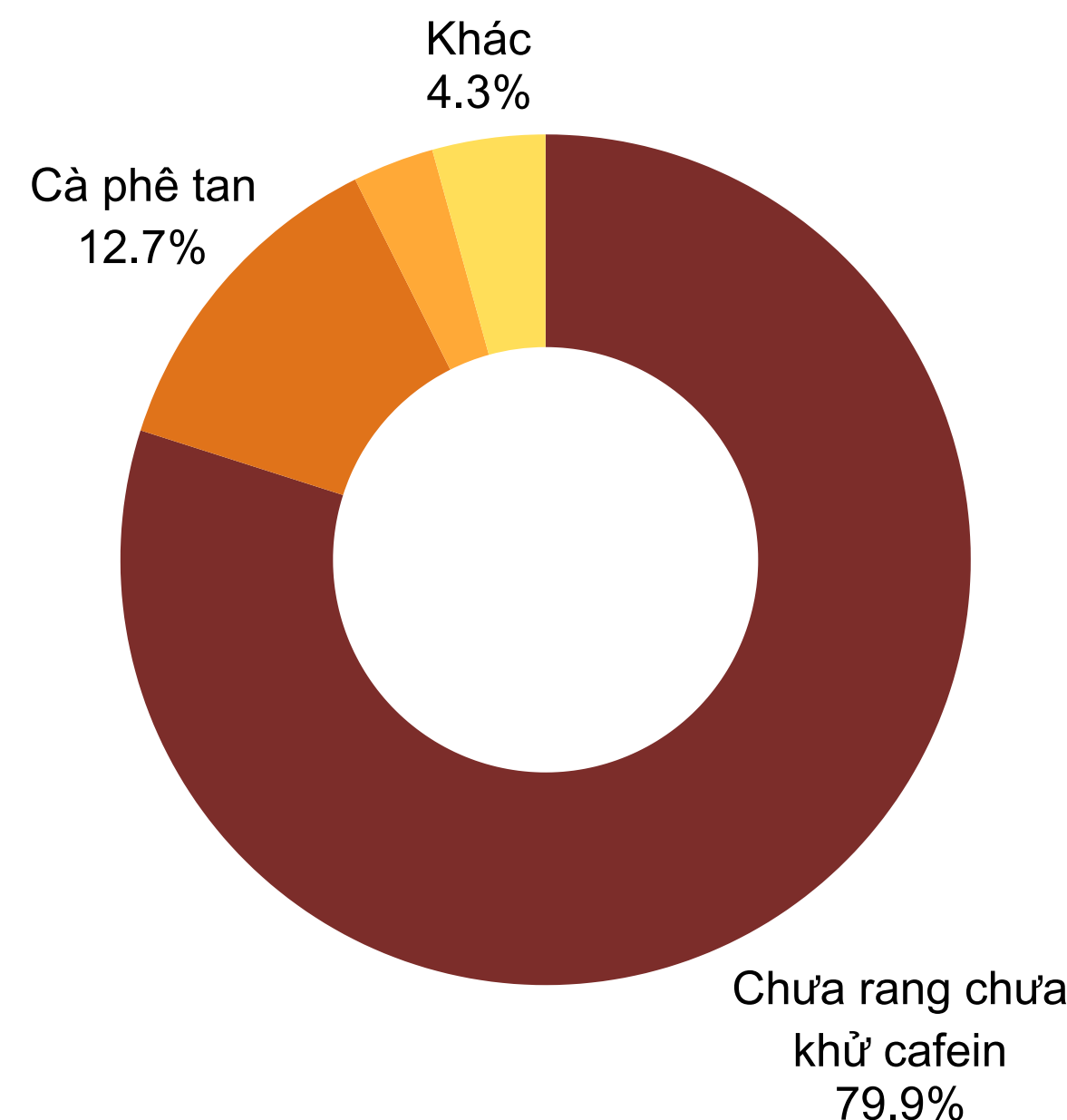
1,38

Triệu tấn

Xuất khẩu cà phê từ đầu năm đến ngày 15/09/2026 **tăng 16,1%** về lượng nhưng **giảm 6,9%** về giá trị so với cùng kỳ năm 2025 do giá xuất khẩu giảm.

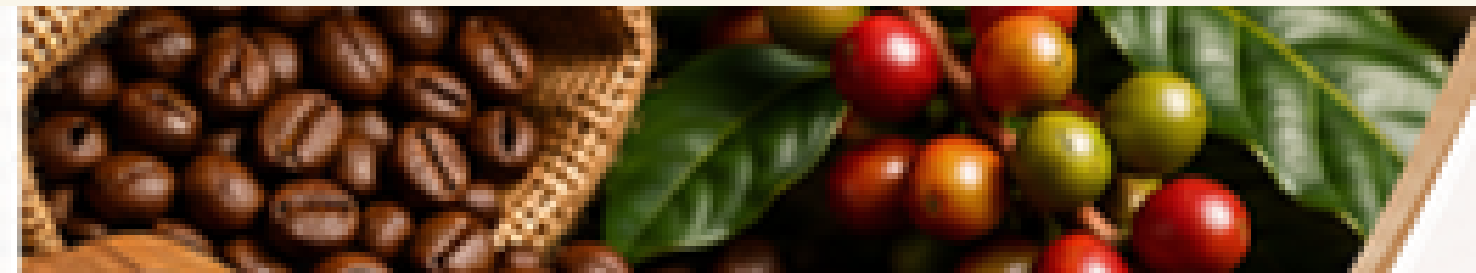
(Nguồn: Ước tính từ dữ liệu hải quan)

CƠ CẤU XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM 8 THÁNG 2026

Năm 2026**Năm 2025**

- Cà phê chưa rang, chưa khử caffeine chiếm 79,1% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê trong 8 tháng đầu năm 2026, đạt gần 4,6 tỷ USD, giảm 7,8% so với cùng kỳ năm 2025.
- Cà phê tan chiếm 13,5% kim ngạch, đạt 784,4 triệu USD, giảm nhẹ 0,4% so với cùng kỳ.
- Cà phê chưa rang đã khử caffeine chiếm 2,6%, đạt 148,0 triệu USD, giảm mạnh 24,4%.
- Cà phê rang chưa khử caffeine đạt 61,3 triệu USD, tăng 25,7%; cà phê rang đã khử caffeine đạt 2,0 triệu USD, tăng 97,6%, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ.
- Nhóm sản phẩm cà phê khác chiếm 3,7%, tăng 0,3%.

(Nguồn: Ước tính từ dữ liệu hải quan)



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC



Chiềng An phát triển vùng cà phê theo hướng bền vững.

- Phường Chiềng An, tỉnh Sơn La hiện có trên 2.000 ha cà phê, trong đó 1.937 ha đang cho thu hoạch, sản lượng khoảng 15.496 tấn/năm; khoảng 1.330 ha đã được chứng nhận sản xuất bền vững và 127 ha đạt VietGAP.
- Liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp được tăng cường để ổn định đầu ra và nâng giá trị sản phẩm. HTX Nông nghiệp Chiềng Xét đã đầu tư sơ chế, sấy, chế biến mật ong và truy xuất nguồn gốc; niên vụ 2025–2026 sản xuất 50 tấn cà phê nhân đặc sản phục vụ xuất khẩu.
- Địa phương định hướng mở rộng sản xuất theo các tiêu chuẩn 4C, UTZ, RA và hữu cơ, đồng thời ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc và gắn vùng nguyên liệu với chế biến, tiêu thụ.

(Nguồn: Báo Sơn La)



Cà phê Khe Sanh hướng tới nâng cao giá trị và phát triển bền vững.

- Vùng cà phê Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị hiện có hơn 4.000 ha, trong đó trên 3.700 ha đang cho sản phẩm, sản lượng gần 5.000 tấn cà phê nhân/năm; hơn 8.620 hộ dân gắn với sản xuất cà phê.
- Arabica, chủ yếu là giống Catimor, là sản phẩm đặc trưng của vùng. Thương hiệu cà phê Khe Sanh ngày càng được củng cố, với nhiều sản phẩm OCOP, thành tích tại các cuộc thi cà phê đặc sản và Chỉ dẫn địa lý “Khe Sanh” được cấp ngày 4/11/2025 cho cà phê nhân, hạt rang và cà phê bột.
- Khe Sanh cũng đang gắn cà phê với văn hóa và du lịch, trong đó chuỗi hoạt động kỷ niệm 100 năm cà phê Khe Sanh (1926–2026) được kỳ vọng quảng bá thương hiệu và mở rộng kết nối thị trường.

(Nguồn: Báo Công thương)



EUDR mở cơ hội chuẩn hóa và nâng giá trị cà phê Việt Nam.

- Khoảng 85,0% sản lượng cà phê Việt Nam dành cho xuất khẩu, vì vậy việc đáp ứng EUDR trở thành yêu cầu quan trọng để duy trì khả năng tiếp cận thị trường EU và nâng sức cạnh tranh của ngành. EUDR thúc đẩy số hóa, truy xuất nguồn gốc và chuẩn hóa toàn bộ chuỗi từ nông hộ đến chế biến, xuất khẩu.
- Các doanh nghiệp đã đầu tư sớm vào vùng nguyên liệu và truy xuất nguồn gốc có lợi thế rõ rệt. Chương trình NESCAFÉ Plan đã kết nối hơn 23.000 hộ nông dân, hỗ trợ canh tác tái sinh, tiết kiệm nước, tối ưu phân bón và đo vẽ tọa độ vùng trồng.

(Nguồn: Bnews - TTXVN)



Lâm Đồng chủ động thích ứng với EUDR.

- Lâm Đồng đang hoàn thiện kế hoạch hỗ trợ thực hiện EUDR, tập trung vào truy xuất nguồn gốc, dữ liệu vùng sản xuất, bản đồ, xác định sản phẩm không gây mất rừng và bảo đảm tính hợp pháp.
- Tỉnh ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất nhỏ tiếp cận thông tin, hoàn thiện dữ liệu và tham gia chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu của thị trường EU.
- Mục tiêu của Lâm Đồng là vừa duy trì khả năng tiếp cận thị trường EU, vừa nâng cao giá trị nông sản, bảo vệ rừng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.

(Nguồn: Báo Lâm Đồng)

PHỤ LỤC & TÀI LIỆU THAM KHẢO

GIÁ NHÂN XÔ TRONG NƯỚC THEO NGÀY

ĐVT: VNĐ/kg

Thị trường	14/09	15/09	16/09	17/09	18/09	BQ tuần	± Tuần
LÂM ĐỒNG	94.700	94.900	94.000	93.500	93.000	94.020	▼ 600
ĐẮK LẮK	95.133	95.333	94.433	94.133	93.533	94.513	▼ 540
GIA LAI	95.133	95.333	94.433	94.133	93.533	94.513	▼ 607
QUẢNG NGÃI	95.300	95.500	94.700	94.400	93.800	94.740	▼ 580

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com · Tuần 14/089 – 17/09/2026

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

ĐVT: USD/tấn · kỳ hạn T09/2026

Sàn	Trung bình tuần	± Tuần	Cùng kỳ 2025	Khoảng dao động
London (Robusta)	3.443	▲ 1%	▼ 6,8%	3.361 – 3.505
New York (Arabica)	6.583	▼ 25,6%	▼ 24,5%	6.069 – 6.915

Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: Nguồn: Liên minh Châu Âu
- [3]: I&M Smith
- [4]: Raphael Salomão, Globo Rural — São Paulo
- [5]: Santocafeh

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: Báo Sơn La
- [3]: Bnews-TTXVN
- [4]: Báo Công thương
- [5]: Báo Lâm Đồng

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
Email: info@agro.gov.vn; Website: www.agro.gov.vn